

Mẫu Bản Mô tả CTĐT dành cho trình độ thạc sĩ:

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
KHOA MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN**



**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**

**NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CHUYÊN NGÀNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ QUẢN LÝ ĐỒNG BẰNG
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ MÃ NGÀNH: 8850101**

Cần Thơ, tháng 01 năm 2021

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CHUYÊN NGÀNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ QUẢN LÝ ĐỒNG BẰNG

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 1657/QĐ-ĐHCT ngày 11 tháng 05 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, Chương trình đào tạo ngành Quản lý tài nguyên và môi trường, chuyên ngành Biến đổi khí hậu và quản lý đồng bằng được mô tả như sau:

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Biến đổi Khí hậu và Quản lý Đồng bằng
Tên chương trình (tiếng Anh)	Climate change and Delta Management
Mã số ngành đào tạo	8850101 – Quản lý tài nguyên và môi trường
Trường cấp bằng	Trường Đại học Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Bằng thạc sĩ
Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
Số tín chỉ yêu cầu	60 tín chỉ
Hình thức đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo	02 năm
Đối tượng tuyển sinh	Ngành đúng: Quản lý tài nguyên và môi trường Ngành gần: Kỹ thuật Tài nguyên nước, Khoa học Môi trường, Khoa học đất, Kỹ thuật môi trường, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Quản lý đất đai, Lâm sinh. Các ngành khác nếu có liên quan đến Biến đổi khí hậu, Quản lý Đồng bằng sẽ được Hội đồng tuyển sinh xem xét dựa trên các học phần đã tích lũy ở bậc Đại học
Thang điểm đánh giá	Thang điểm 4 (quy ra thang điểm 10)
Điều kiện tốt nghiệp	- Tích lũy đủ các học phần và số TC quy định trong CTĐT; điểm TBCTL các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc đạt từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4); - Đạt trình độ ngoại ngữ tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương; - Điểm luận văn đạt từ 5,5 điểm trở lên; - Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ

	luật ở mức đình chỉ học tập trong năm học cuối.
Vị trí việc làm	- Quản lý ở các sở ban ngành liên quan đến biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và môi trường - Kỹ thuật viên đánh giá và kiểm soát khí thải tài nguyên và chất lượng môi trường
Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	- Có kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng thiết kế sản phẩm, ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát hiện và tổ chức thực hiện các công việc phức tạp trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành vào thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế; có thể học bổ sung một số kiến thức cơ sở ngành và phương pháp nghiên cứu theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ để tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.
Tham khảo khi xây dựng chương trình đào tạo	Quyết định số 1657/QĐ-DHCT, của trường Đại học Cần Thơ ký ngày 11/05/2018, về việc ban hành chương trình đào tạo chuyên ngành Biến đổi khí hậu và Quản lý đồng bằng thuộc ngành Quản lý tài nguyên và môi trường trình độ thạc sĩ
Thông tin về đánh giá, kiểm định chương trình đào tạo	- Trường Đại học Cần Thơ đã được chứng nhận đạt chất lượng cơ sở giáo dục giai đoạn 2018 – 2023.
Thời gian cập nhật bản mô tả	Tháng 01 năm 2021

2. Mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của chương trình đào tạo là đào tạo Thạc sĩ Biến đổi Khí hậu và Quản lý Đồng bằng có khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn về quy hoạch, quản lý phát triển bền vững đồng bằng có xét và phân tích đến các điều kiện biến đổi khí hậu bằng nhiều phương pháp tiếp cận phân tích từ lý thuyết đến thực tiễn. Chương trình đào tạo ngành Biến đổi Khí hậu và Quản lý Đồng bằng trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng giúp người học nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng thiết kế sản phẩm, ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát hiện và tổ chức thực hiện các công việc phức tạp trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành vào thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế; có thể học bổ sung một số kiến thức cơ sở ngành và phương pháp nghiên cứu theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ để tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo: (ghi như nội dung liên quan của CTĐT được ban hành)

- Đào tạo Thạc sĩ Biến đổi Khí hậu và Quản lý Đồng bằng có khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn về quy hoạch, quản lý phát triển bền vững đồng bằng có xét và phân tích đến

các điều kiện biến đổi khí hậu bằng nhiều phương pháp tiếp cận phân tích từ lý thuyết đến thực tiễn.

- b. Chương trình đào tạo ngành Biến đổi Khí hậu và Quản lý Đồng bằng trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng giúp người học nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng thiết kế sản phẩm, ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát hiện và tổ chức thực hiện các công việc phức tạp trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành vào thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế; có thể học bổ sung một số kiến thức cơ sở ngành và phương pháp nghiên cứu theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ để tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Hoàn thành chương trình đào tạo người học đạt được kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm như sau: (ghi như nội dung liên quan của CTĐT được ban hành)

3.1. Kiến thức

3.1.1. Phần kiến thức chung

- a. Hiểu cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin; đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh,
- b. Có khả năng trao đổi và đọc các tài liệu tiếng anh

3.1.2. Phần kiến thức cơ sở

- a. Hiểu các kiến thức cơ bản và kiến thức nâng cao, hiện đại của chuyên ngành Biến đổi Khí hậu và Quản lý Đồng bằng.
- b. Nắm bắt kiến thức cơ bản vào chuyên ngành và áp dụng kiến thức chuyên ngành vào trong các lĩnh vực biến đổi khí hậu và quản lý đồng bằng bao gồm: (i) thực trạng và xu thế biến đổi khí hậu và tác động lên phát triển vùng đồng bằng; (ii) ứng dụng các mô hình toán chuyên ngành đơn lẻ hoặc mô hình toán tổng hợp để đánh giá và dự báo sự thay đổi của hệ thống vùng đồng bằng dưới áp lực của phát triển và đặc biệt là dưới áp lực của biến đổi khí hậu; và, (iii) ứng dụng cũng như phát triển một số mô hình phát triển đồng bằng đã được kiểm chứng trên thế giới vào thực trạng phát triển ở đồng bằng sông Cửu Long.

3.1.3. Phần kiến thức chuyên ngành và luận văn tốt nghiệp

- a. Tổng hợp, phân tích, đánh giá và quản lý đồng bằng, sử dụng bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên dưới điều kiện biến đổi khí hậu.
- b. Có khả năng hiểu và kết nối được kiến thức chuyên ngành đã học với kiến thức liên ngành trong lĩnh vực Biến đổi khí hậu và Quản lý Đồng bằng.

3.2. Kỹ năng

3.2.1. Kỹ năng cứng

- a. Có khả năng vận dụng kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp ; có kỹ năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành Biến đổi khí hậu và Quản lý Đồng bằng.
- b. Có kỹ năng ứng dụng các kỹ thuật và công cụ hiện đại vào thực tiễn; thiết kế và tiến

hành các thí nghiệm, khảo sát và phân tích dữ liệu liên quan đến biến đổi khí hậu và quản lý đồng bằng.

- c. Có khả năng phân tích khoa học chuyên sâu trong lĩnh vực Biến đổi Khí hậu và Quản lý Đồng bằng, tập trung vào một số lĩnh vực liên quan như : động thái phát triển đồng bằng và động thái một số nguồn tài nguyên quan trọng (nước và đất) dưới áp lực của phát triển kinh tế - xã hội và biến đổi khí hậu cũng như ứng dụng một số mô hình toán chuyên ngành đánh giá sự thay đổi của các cấu phần độc lập cũng như xem xét sự thay đổi của cả hệ thống đồng bằng trong bối cảnh biến đổi khí hậu đang diễn ra nghiêm trọng trong hiện nay.
- d. Đánh giá và phát triển các quy trình để tổ chức, quản lý và vận hành một số hoạt động trong lĩnh vực Biến đổi Khí hậu và Quản lý Đồng bằng để kiểm nghiệm tính hiệu quả của các quy trình này trong điều kiện cụ thể ở Đồng bằng sông Cửu Long và mở rộng ra các đồng bằng khác trong khu vực và trên thế giới.

3.2.2. Kỹ năng mềm

- a. Sáng tạo trong quy hoạch, đề xuất các ý tưởng thiết kế, tổ chức, quản lý và vận hành và sản xuất trong lĩnh vực Biến đổi Khí hậu và Quản lý Đồng bằng; nhận diện, tính toán và giải quyết một số vấn đề thực tiễn có liên quan bằng ý tưởng phù hợp.
- b. Thể hiện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng mềm, làm việc nhóm, trao đổi, chia sẻ và hợp tác phát triển nghiên cứu biến đổi khí hậu và quản lý Đồng bằng.

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân

- a. Thể hiện sự tự tin, lòng nhiệt tình, niềm đam mê, sự thích nghi đối với sự thay đổi, sự sẵn sàng và khả năng làm việc độc lập, sự sẵn sàng làm việc với người khác, biết xem xét và chấp nhận các quan điểm khác.
- b. Thể hiện đúng đạo đức nghề nghiệp của ngành nghề mình theo đuổi, nhận thức được vị trí, vai trò, tầm quan trọng của các tiêu chuẩn và nguyên tắc về đạo đức của mình, có thái độ đúng mực đối với những sai lầm của mình
- c. Luôn xây dựng hình ảnh chuyên nghiệp trong công việc và ứng xử hằng ngày tạo một phong cách làm việc chuyên nghiệp
- d. Luôn luôn cập nhật thông tin trong lĩnh vực chuyên ngành của mình để có thái độ ứng xử cũng như xử lý những thay đổi, cập nhật mới một cách phù hợp, hiệu quả

3.4. Ngoại ngữ trước khi bảo vệ luận văn

Học viên tự học đạt chứng nhận B1 (bậc 3/6) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương

4. Các tiêu chí liên quan tuyển sinh

4.1 Đối tượng và điều kiện dự thi:

4.1.1. Về văn bằng và điều kiện dự thi: người dự thi cần thỏa mãn một trong các điều kiện sau đây:

- a) Tốt nghiệp đại thuộc ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi;

5.2. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Học phần			Chuẩn đầu ra (3)																
TT	MSHP	Tên học phần	Kiến thức (3.1)						Kỹ năng (3.2)								Ng. ngữ (3.4)		
			Phần kiến thức chung (3.1.1)		Phần kiến thức cơ sở (3.1.2)		Phần kiến thức chuyên ngành và luận văn tốt nghiệp (3.1.3)		Kỹ năng cứng (3.2.1)				Kỹ năng mềm (3.2.2)		Năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân (3.3)				
			a	b	a	b	a	b	a	b	c	d	a	b	a	b		c	d
1	ML605	Triết học	x											x	x	x	x	x	x
2	ER623	Phương pháp nghiên cứu khoa học/ <i>Research methodology, science ethics, and education of safety</i>				x					x	x			x	x	x	x	
		Ngoại ngữ (Anh văn/Pháp văn)		x									x	x	x	x		x	x
3	ER601	Khí hậu và khí tượng học/ <i>Climatology and meteorology</i>		x	x	x				x	x		x		x	x	x		x
4	ER602	Nguyên lý cơ sở của biến đổi khí hậu và thiên tai/ <i>Fundamentals of climate change and natural disasters</i>				x	x			x	x	x		x	x	x	x		
5	ER603	Nguyên lý trong thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu/ <i>Principles of climate change mitigation and adaptation</i>				x	x					x	x	x	x	x	x	x	
6	AQ644	Báo cáo chuyên đề/ <i>Student workshop</i>				x	x				x	x	x	x	x		x	x	x
7	AG609	Khảo sát thực địa/ <i>Field excursion</i>		x	x	x						x	x		x	x		x	x
8	ER606	Thích ứng với biến đổi khí hậu trong nông nghiệp và thủy sản/ <i>Climate change</i>				x	x					x	x		x		x	x	x

		<i>adaptation in agriculture and aquaculture</i>																
9	ER607	Các vấn đề biến đổi môi trường và xã hội - <i>Climate change and social issues</i>			x	x				x	x		x	x	x			
10	ER608	Báo cáo seminar về lãnh vực nông nghiệp, thủy sản và môi trường/ <i>Seminar: topics of agriculture, aquaculture and environment field</i>		x	x	x			x	x			x	x			x	
11	MTQ615	Nguyên lý quản lý tài nguyên và môi trường/ <i>Principles of natural resources and environment management</i>			x	x			x	x			x		x	x		
12	KTN607	Kinh tế tài nguyên và môi trường/ <i>Environmental and Resource Economics</i>																
13	ER611	Phân tích hệ thống môi trường và tài nguyên thiên nhiên ở đồng bằng/ <i>Delta natural resources and environmental system analysis</i>			x	x		x	x	x	x	x	x	x	x		x	
14	ER612	Quản lý lưu vực/ <i>Watershed management</i>			x	x				x	x	x		x	x	x	x	
15	ER613	Chu trình thủy văn và mô hình ứng dụng/ <i>Hydrological processes and modelling</i>			x	x	x		x	x	x	x		x	x		x	x
16	ER614	Quản lý tổng hợp đồng bằng/ <i>Integrated delta management</i>		x	x	x	x			x	x	x		x	x	x		
17	ER605	GIS và viễn thám căn bản trong quản lý tài nguyên thiên nhiên/ <i>Basic GIS and remote sensing for natural resources management</i>																
18		GIS và viễn thám nâng cao trong quản lý tài nguyên thiên nhiên/ <i>Advanced GIS and</i>			x	x		x		x	x	x		x		x		

		<i>Presentation II (Intermediate)</i>																	
30	ER898	Báo cáo hội nghị khoa học (MT)/ <i>Presentation III (Conference)</i>			x	x	x		x		x	x	x	x	x	x	x	x	
31	ER899	Sinh hoạt học thuật (MT)/ <i>Laboratory seminar</i>					x	x			x	x	x	x	x	x	x	x	
32	ER900	Luận văn tốt nghiệp (MT)/ <i>Thesis</i>	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Ghi chú: x thể hiện mối quan hệ cụ thể

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Căn cứ Quyết định số 6461/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ (thạc sĩ/tiến sĩ), Chương trình dạy học ngành Quản lý tài nguyên và môi trường, chuyên ngành Biến đổi khí hậu và quản lý đồng bằng được mô tả như sau:

1. Cấu trúc chương trình dạy học

Tổng số tín chỉ toàn khóa: 60 tín chỉ

Phần kiến thức chung (Triết học): (5) tín chỉ (bắt buộc: (5) tín chỉ) + (ngoại ngữ tự học)

Phần kiến thức cơ sở: 13 tín chỉ (bắt buộc: 9 tín chỉ; tự chọn: 4 tín chỉ)

Phần kiến thức chuyên ngành: 17 tín chỉ (bắt buộc: 9 tín chỉ; tự chọn: 8 tín chỉ)

Và luận văn tốt nghiệp: 25 tín chỉ (bắt buộc)

2. Khung chương trình đào tạo (ghi như nội dung liên quan của CTĐT đã công bố)

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
Phần kiến thức chung									
1	ML605	Triết học	3	x		45			
2	ER623	Phương pháp nghiên cứu khoa học/ <i>Research methodology, science ethics, and education of safety</i>	2	x		20	20		
		Ngoại ngữ							<i>Học viên tự học đạt B1</i>
<i>Cộng: 5 TC (Bắt buộc: 5 TC; Tự chọn: 0 TC)</i>									
Phần kiến thức cơ sở									
3	ER601	Khí hậu và khí tượng học/ <i>Climatology and meteorology</i>	2	x		30			
4	ER602	Nguyên lý cơ sở của biến đổi khí hậu và thiên tai/ <i>Fundamentals of climate change and natural disasters</i>	2	x		30			
5	ER603	Nguyên lý trong thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu/ <i>Principles of climate change mitigation and adaptation</i>	2	x		30			
6	AQ644	Báo cáo chuyên đề/ <i>Student workshop</i>	2	x			60		
7	AG609	Khảo sát thực địa/ <i>Field excursion</i>	1	x			30		
8	ER606	Thích ứng với biến đổi khí hậu trong nông nghiệp và thủy sản/ <i>Climate change adaptation in agriculture and aquaculture</i>	2		x	30			
9	ER607	Các vấn đề biến đổi môi trường và xã hội - <i>Climate change and social issues</i>	2		x	30			
10	ER608	Báo cáo seminar về lãnh vực nông nghiệp, thủy sản và môi trường/ <i>Seminar: topics of agriculture, aquaculture and environment field</i>	2		x		60		
11	MTQ615	Nguyên lý quản lý tài nguyên và	2		x	30			

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
		môi trường/ <i>Principles of natural resources and environment management</i>							
12	KTN607	Kinh tế tài nguyên và môi trường/ <i>Environmental and Resource Economics</i>	2		x	20	20		
<i>Cộng: 13 TC (Bắt buộc: 9 TC; Tự chọn: 4 TC)</i>									
Phần kiến thức chuyên ngành và luận văn tốt nghiệp									
13	ER611	Phân tích hệ thống môi trường và tài nguyên thiên nhiên ở đồng bằng/ <i>Delta natural resources and environmental system analysis</i>	2	x		20	20		
14	ER612	Quản lý lưu vực/ <i>Watershed management</i>	2	x		20	20		
15	ER613	Chu trình thủy văn và mô hình ứng dụng/ <i>Hydrological processes and modelling</i>	2	x		20	20		
16	ER614	Quản lý tổng hợp đồng bằng/ <i>Integrated delta management</i>	3	x		30	30		
17	ER605	GIS và viễn thám căn bản trong quản lý tài nguyên thiên nhiên/ <i>Basic GIS and remote sensing for natural resources management</i>	2		x	20	20		
18	ER622	GIS và viễn thám nâng cao trong quản lý tài nguyên thiên nhiên/ <i>Advanced GIS and remote sensing for natural resources management</i>	2		x	20	20		
19	ER617	Mô hình toán trong tự nhiên/ <i>Systems dynamics simulation</i>	2		x	20	20		
20	ER618	Mô hình toán trong biến động sử dụng đất đai/ <i>Modelling land cover and land use changes</i>	2		x	20	20		
21	ER619	Biến đổi khí hậu và khả năng chống chịu ở đồng bằng/ <i>Climate change and delta resilient</i>	2		x	20	20		
22	ER609	Đặc trưng môi trường nông nghiệp trong hệ thống đồng bằng/ <i>Agro-environmental properties of deltaic system</i>	2		x	20	20		
23	ER620	Truyền thông biến đổi khí hậu và môi trường/ <i>Climate change and environmental communication</i>	2		x	20	20		
24	ER621	Thích ứng với các dạng thay đổi nguồn tài nguyên nước/ <i>Adaptation to water resources changes</i>	2		x	20	20		
25	MTQ602	Chính sách và chiến lược tài nguyên môi trường/ <i>Policy and strategy on environmental resources</i>	2		x	30			

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
26	MT629	Quản lý tổng hợp tài nguyên ven biển/ <i>Integrated coastal resources management</i>	2		x	30			
27	MTQ604	Đánh giá tác động môi trường và rủi ro sinh thái/ <i>Environmental Impact Assessment and ecological risk</i>	2		x	20	20		
<i>Cộng: 17 TC (Bắt buộc: 9 TC; Tự chọn: 8 TC)</i>									
28	ER896	Báo cáo đề cương (MT)/ <i>Presentation I (Planning)</i>	2	x					
29	ER897	Báo cáo giữa kỳ (MT)/ <i>Presentation II (Intermediate)</i>	2	x					
30	ER898	Báo cáo hội nghị khoa học (MT)/ <i>Presentation III (Conference)</i>	3	x					
31	ER899	Sinh hoạt học thuật (MT)/ <i>Laboratory seminar</i>	3	x					
32	ER900	Luận văn tốt nghiệp (MT)/ <i>Thesis</i>	15	x					
<i>Cộng: 15 TC (Bắt buộc: 25 TC; Tự chọn: 0 TC)</i>									
Tổng cộng			60	48	12				

3. Kế hoạch dạy học (ghi theo thứ tự học kỳ, ví dụ: Học kỳ 1, 2, 3, 4)

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
Học kỳ 1									
1	ML605/M L606	Triết học	3/4	x		45/60			
2	ER623	Phương pháp nghiên cứu khoa học/ <i>Research methodology, science ethics, and education of safety</i>	2	x		20	20		
3	ER601	Khí hậu và khí tượng học/ <i>Climatology and meteorology</i>	2	x		30			
4	ER602	Nguyên lý cơ sở của biến đổi khí hậu và thiên tai/ <i>Fundamentals of climate change and natural disasters</i>	2	x		30			
5	ER603	Nguyên lý trong thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu/ <i>Principles of climate change mitigation and adaptation</i>	2	x		30			
6	ER601	Khí hậu và khí tượng học/ <i>Climatology and meteorology</i>	2	x		30			
	ER606	Thích ứng với biến đổi khí hậu trong nông nghiệp và thủy sản/ <i>Climate change adaptation in agriculture and aquaculture</i>	2		x	30		ER606	
	ER607	Các vấn đề biến đổi môi trường và xã hội - <i>Climate change and</i>	2		x	30		ER607	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
		<i>social issues</i>							
	ER608	Báo cáo seminar về lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản và môi trường/ <i>Seminar: topics of agriculture, aquaculture and environment field</i>	2		x		60	ER608	
	MTQ615	Nguyên lý quản lý tài nguyên và môi trường/ <i>Principles of natural resources and environment management</i>	2		x	30		MTQ615	
	KTN607	Kinh tế tài nguyên và môi trường/ <i>Envvironmental and Resource Economics</i>	2		x	20	20	KTN607	
Tổng			17	13	4				
Học kỳ 2									
1	AG609	Khảo sát thực địa/ <i>Field excursion</i>	1	x			30		
2	ER611	Phân tích hệ thống môi trường và tài nguyên thiên nhiên ở đồng bằng/ <i>Delta natural resources and environmental system analysis</i>	2	x		20	20		
3	ER612	Quản lý lưu vực/ <i>Watershed management</i>	2	x		20	20		
4	ER613	Chu trình thủy văn và mô hình ứng dụng/ <i>Hydrological processes and modelling</i>	2	x		20	20		
5	ER614	Quản lý tổng hợp đồng bằng/ <i>Integrated delta management</i>	3	x		30	30		
6	ER605	GIS và viễn thám căn bản trong quản lý tài nguyên thiên nhiên/ <i>Basic GIS and remote sensing for natural resources management</i>	2		x	20	20		
7	ER622	GIS và viễn thám nâng cao trong quản lý tài nguyên thiên nhiên/ <i>Advanced GIS and remote sensing for natural resources managemen</i>	2		x	20	20		
8	ER617	Mô hình toán trong tự nhiên/ <i>Systems dynamics simulation</i>	2		x	20	20		
9	ER618	Mô hình toán trong biến động sử dụng đất đai/ <i>Modelling land cover and land use changes</i>	2		x	20	20		
10	ER619	Biến đổi khí hậu và khả năng chống chịu ở đồng bằng/ <i>Climate change and delta resilient</i>	2		x	20	20		
11	ER609	Đặc trưng môi trường nông nghiệp trong hệ thống đồng bằng/ <i>Agro-environmental properties of deltaic system</i>	2		x	20	20		
12	ER620	Truyền thông biến đổi khí hậu và môi trường/ <i>Climate change</i>	2		x	20	20		

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
		<i>and environmental communication</i>							
13	ER621	Thích ứng với các dạng thay đổi nguồn tài nguyên nước/ <i>Adaptation to water resources changes</i>	2		x	20	20		
14	MTQ602	Chính sách và chiến lược tài nguyên môi trường/ <i>Policy and strategy on environmental resources</i>	2		x	30			
15	MT629	Quản lý tổng hợp tài nguyên ven biển/ <i>Integrated coastal resources management</i>	2		x	30			
16	MTQ604	Đánh giá tác động môi trường và rủi ro sinh thái/ <i>Environmental Impact Assessment and ecological risk</i>	2		x	20	20		
Tổng			18	10	8				
Học kỳ 3									
1	ER896	Báo cáo đề cương (MT)/ <i>Presentation I (Planning)</i>	2	x					
2	ER898	Báo cáo hội nghị khoa học (MT)/ <i>Presentation III (Conference)</i>	3	x					
3	ER899	Sinh hoạt học thuật (MT)/ <i>Laboratory seminar</i>	3	x					
Tổng			8	8	0				
Học kỳ 4									
1	ER897	Báo cáo giữa kỳ (MT)/ <i>Presentation II (Intermediate)</i>	2	x					
2	ER900	Luận văn tốt nghiệp (MT)/ <i>Thesis</i>	15	x					
Tổng			17	17	0				
Tổng cộng			60	48	12				

4. Mô tả tóm tắt các học phần

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
1	ML605	Triết học/ <i>Philosophy</i>	3	Bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thể giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học và nghiên cứu sinh trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. Củng cố nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam.	Khoa Khoa học chính trị
2	ER623	Phương pháp nghiên cứu khoa học/ <i>Research methodology, science ethics, and education of safety</i>	2	Học phần tập trung vào các nội dung chính là (i) Tổng quan về phương pháp NCKH; (ii) Quan sát: xác định vấn đề; thu thập số liệu; ghi nhận và đánh giá số liệu; các biến và các quan tâm khác liên quan đến việc chọn lọc vấn đề nghiên cứu; (iii) Giả thuyết; (iv) Bố trí thí nghiệm; (v) Giới thiệu đạo đức trong nghiên cứu và tại sao nó quan trọng? (vi) Giới thiệu về sự an toàn trong giáo dục; (vii) phương pháp viết đề cương, bài báo cáo khoa học	Khoa Nông Nghiệp

				và cách trình bày báo cáo.	
3	ER601	Khí hậu và khí tượng học/ <i>Climatology and meteorology</i>	3	- Học phần này sẽ cung cấp kiến thức về cấu trúc, năng lượng và chuyển động của bầu khí quyển. - Phần Khí hậu được xây dựng dựa trên các nguyên tắc khí tượng và thiên văn cơ bản để tìm hiểu sự phân bố khí hậu trên trái đất và biến đổi khí hậu. - Phần Khí tượng phân tích các hiện tượng vật lý khác nhau tạo thành nền tảng của các cơ chế thời tiết và sự hình thành thời tiết.	Khoa Môi trường & TNTN
4	ER602	Nguyên lý cơ sở của biến đổi khí hậu và thiên tai/ <i>Fundamentals of climate change and natural disasters</i>	4	Học phần trang bị cho học viên các kiến thức cơ bản về khí hậu học, thiên tai và biến đổi khí hậu, các kịch bản thay đổi trong nghiên cứu biến đổi khí hậu., Các tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu lên các mặt đời sống, sản xuất, xác định các biện pháp giảm thiểu ảnh hưởng và thích nghi và Quản lý thiên tai.	Khoa Môi trường & TNTN
5	ER603	Nguyên lý trong thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu/ <i>Principles of climate change mitigation and adaptation</i>	5	Sau khi học xong học phần, người học sẽ nắm vững 4 nội dung sau: Hiểu về BĐKH, nguyên nhân và các tác động lên an ninh lương thực, nông nghiệp, thủy sản và tài nguyên thiên nhiên; các khái niệm về quá trình đánh giá tổn thương, khả năng chống chịu, thích ứng và phát triển bền vững; các khái niệm về nông nghiệp thông minh thích ứng BĐKH và nền kinh tế chống chịu với BĐKH. Học viên sẽ được nghe lý thuyết và thực hành các tình huống kịch bản BĐKH đến các lãnh vực nông nghiệp, thủy sản và môi trường ở ĐBSCL.	Khoa Môi trường & TNTN
6	AQ644	Báo cáo chuyên đề/ <i>Student workshop</i>	6	Mục đích của học phần này là tổ chức các buổi thuyết trình cho học viên trình bày các chủ đề khác nhau liên quan đến các lãnh vực về (i) quản lý tổng hợp thủy sản vùng ven biển dưới tác động của BĐKH, (ii) nông nghiệp nhiệt đới dưới tác động của BĐKH, và (iii) quản lý đồng bằng dưới tác động của BĐKH để giúp học viên tự nghiên cứu, tư duy và học tập. Ngoài kiến thức lý thuyết, trong quá trình trình bày học viên có thể chia sẻ những kiến thức thực tế mà họ đã tích lũy, kinh nghiệm và học tập trước đó. Cuối khóa học, học viên có thể nắm bắt được kiến thức và kinh nghiệm có thể tăng khả năng hiểu biết và kỹ năng có thể được sử dụng, áp dụng trong thực tiễn sau này trong việc quản lý thủy sản, nông nghiệp và đồng bằng dưới tác động của biến đổi khí hậu.	Khoa Thủy sản
7	AG609	Khảo sát thực địa/ <i>Field excursion</i>	7	Sau khi hoàn thành môn học này, người học có thể mô tả các vấn đề thực tế của các đồng bằng về thay đổi tài nguyên thiên nhiên liên quan đến vấn đề biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế - xã hội và phân tích nguyên nhân và hậu quả của sự thay đổi.	Khoa Môi trường & TNTN
8	ER606	Thích ứng với biến đổi khí hậu trong nông nghiệp và thủy sản/ <i>Climate change adaptation in agriculture and aquaculture</i>	8	Học phần phân tích các tác động của BĐKH và con người lên hệ sinh thái đất và an ninh lương thực. Đồng thời, giới thiệu các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu trong sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.	Viện nghiên cứu biến đổi khí hậu, Đại Học Cần Thơ
9	ER607	Các vấn đề biến đổi môi trường và xã hội - <i>Climate change and social issues</i>	9	Học phần trang bị cho học viên các kiến thức cơ bản về môi trường và xã hội học, biến nhận diện các dấu hiệu thay đổi, nguyên nhân và hậu quả của các vấn đề thay đổi môi trường và xã hội. Tìm các giải pháp khắc phục các khủng hoảng và bài học kinh nghiệm.	Khoa Môi trường & TNTN
10	ER608	Báo cáo seminar về lãnh vực nông nghiệp, thủy sản và môi	10	Mục đích của học phần này là tổ chức các buổi thuyết trình cho học viên trình bày các chủ đề khác nhau liên quan đến các lãnh vực về (i) quản lý tổng	Khoa Thủy sản, Khoa Nông nghiệp

		trường/ <i>Seminar: topics of agriculture, aquaculture and environment field</i>		hợp thủy sản vùng ven biển dưới tác động của BĐKH, (ii) nông nghiệp nhiệt đới dưới tác động của BĐKH, và (iii) quản lý đồng bằng dưới tác động của BĐKH để giúp học viên tự nghiên cứu, tư duy và học tập. Ngoài kiến thức lý thuyết, trong quá trình trình bày học viên có thể chia sẻ những kiến thức thực tế mà họ đã tích lũy, kinh nghiệm và học tập trước đó. Cuối khóa học, học viên có thể nắm bắt được kiến thức và kinh nghiệm có thể tăng khả năng hiểu biết và kỹ năng có thể được sử dụng, áp dụng trong thực tiễn sau này trong việc quản lý thủy sản, nông nghiệp và đồng bằng dưới tác động của biến đổi khí hậu.	và Sinh học ứng dụng, Khoa Môi trường & TNTN
11	MTQ615	Nguyên lý quản lý tài nguyên và môi trường/ <i>Principles of natural resources and environment management</i>	11	Môn học cung cấp cho sinh viên những khái niệm về nguyên lý quản môi trường và tài nguyên thiên nhiên, các công cụ đánh giá phân tích của nguyên lý, mục tiêu và xu hướng quản lý môi trường và tài nguyên cho sự nghiệp phát triển bền vững.	Khoa Môi trường & TNTN
12	KTN607	Kinh tế tài nguyên và môi trường/ <i>Environmental and Resource Economics</i>	12	Mục tiêu của môn học kinh tế tài nguyên và môi trường giúp người học hiểu được mối quan hệ qua lại giữa những hoạt động kinh tế và môi trường. Môn học thảo luận về lý thuyết và công cụ chính sách được sử dụng để quản lý môi trường và tài nguyên thiên nhiên hiệu quả hơn.	
13	ER611	Phân tích hệ thống môi trường và tài nguyên thiên nhiên ở đồng bằng/ <i>Delta natural resources and environmental system analysis</i>	2	Học phần cung cấp cho học viên kiến thức tổng quan các nguồn tài nguyên thiên nhiên của Đồng Bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) và các phương pháp phân tích hệ thống môi trường. Các nguồn tài nguyên chính của vùng ĐBSCL được khái quát và phân tích gồm: đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên rừng và con người. Các khía cạnh về quản lý tài nguyên thiên nhiên sẽ được đề cập trong học phần. Học viên sẽ được giới thiệu về các lý thuyết cơ bản của phân tích hệ thống môi trường. Cụ thể như, học viên sẽ được cung cấp và chia sẻ các kiến thức về: (1) Các nguồn tài nguyên tái tạo và không tái tạo được; (2) Quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên ở ĐBSCL; (3) Phân tích hệ thống môi trường; (4) Các phương pháp phân tích hệ thống môi trường như phân tích đánh giá vòng đời sản phẩm - LCA, Đánh giá rủi ro môi trường (ERA) và phân tích khung luận lý – LFA.	Khoa Môi trường & TNTN
14	ER612	Quản lý lưu vực/ <i>Watershed management</i>	2	Học phần được khái niệm hóa để cung cấp các đề xuất lựa chọn áp dụng về quy hoạch và quản lý lưu vực như một công cụ quản lý tài nguyên đất, nước và hệ sinh thái. Học phần giúp học viên hiểu được tác động của biến đổi khí hậu và sử dụng đất bằng cách kiểm tra và thảo luận các nghiên cứu điển hình về cấp nước, chất lượng nước, hạn hán, ngập lụt và quản lý nước mưa. Ngoài ra, trong vấn đề quản lý lưu vực, học phần sẽ giới thiệu một cách tiếp cận đa ngành liên quan đến các lĩnh vực khoa học môi trường, chính sách công, quy hoạch đô thị / nông thôn và khu vực và Đánh giá môi trường chiến lược	Khoa Môi trường & TNTN
15	ER613	Chu trình thủy văn và mô hình ứng dụng/ <i>Hydrological processes and modelling</i>	2	Học phần được thiết kế để cung cấp các kỹ năng hữu ích cho sinh viên để phân tích và đánh giá các khái niệm và mô hình thủy văn khác nhau. Học phần được chia thành ba phần chính: Phần I và II cung cấp kiến thức để giải quyết các vấn đề dựa trên việc xây dựng mô hình nước mặt và nước dưới đất tương ứng với sự phân tích độ nhạy và độ không chắc chắn. Trong khi đó, Phần III cung cấp kiến thức để xem xét sự tương tác thực tế giữa	Khoa Môi trường & TNTN

				nước mặt và nước dưới đất, giải quyết các vấn đề phức tạp trong mô hình thủy văn. Sự kết hợp của các hoạt động trong lớp (bao gồm: lý thuyết, thảo luận và thực hành trên máy tính) là phương pháp giảng dạy chính.	
16	ER614	Quản lý tổng hợp đồng bằng/ <i>Integrated delta management</i>	3	Học phần này cung cấp các nội dung kiến thức về quản lý tổng hợp đồng bằng (QLTHĐB) về các hệ sinh thái và các thủy hệ trong bối cảnh của một đồng bằng. Trong đó sẽ phân tích về các bên liên quan trong QLTHĐB từ đó xây dựng cách tiếp cận tổng hợp trong phát triển và quản lý tài nguyên trong điều kiện đối mặt với thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Học phần sẽ nghiên cứu một vài vùng Đồng bằng trên thế giới như trường hợp nghiên cứu để học viên sử dụng kiến thức đã học để thực hành.	Khoa Môi trường & TNTN
17	ER605	GIS và viễn thám căn bản trong quản lý tài nguyên thiên nhiên/ <i>Basic GIS and remote sensing for natural resources management</i>	2	Học phần cung cấp cơ sở lý thuyết và kỹ thuật viễn thám và dữ liệu không gian. Các chủ đề sẽ bao gồm tương tác ánh sáng, quang học, thiết kế của các loại cảm biến, phân tích ảnh bằng phần mềm, cũng như các ứng dụng hiện tại của viễn thám đối với các vấn đề khoa học và kỹ thuật. Bên cạnh đó, môn học này cũng sẽ thảo luận tất cả các định nghĩa chính, hiểu các khái niệm cốt lõi và chức năng của hệ thống thông tin địa lý; phân biệt và nhận dạng các kiểu dữ liệu không gian khác nhau, hiểu được các hệ tọa độ không gian và cơ sở lý thuyết của từng loại trong hệ thống thông tin địa lý và cách kết hợp viễn thám và hệ thống thông tin địa lý.	
18	ER622	GIS và viễn thám nâng cao trong quản lý tài nguyên thiên nhiên/ <i>Advanced GIS and remote sensing for natural resources management</i>	2	Môn học cung cấp cho học viên các kiến thức và kỹ năng nâng cao của GIS và viễn thám. Phần GIS sẽ tập trung vào cơ sở hạ tầng dữ liệu không gian, phân tích dữ liệu không gian nâng cao, tương tác và trực quan hóa. Các phần mềm GIS mã nguồn mở sẽ được giới thiệu để thực hiện nghiên cứu về đánh giá tác động của biến đổi khí hậu và các vấn đề có liên quan. Viễn thám sẽ cung cấp kiến thức và kỹ năng về các công nghệ viễn thám quang học và radar. Các công cụ viễn thám được giới thiệu để phát triển kỹ năng của học viên trong việc xử lý hình ảnh vệ tinh kỹ thuật số trong quản lý thiên tai và biến đổi khí hậu.	Khoa Môi trường & TNTN
19	ER617	Mô hình toán trong tự nhiên/ <i>Systems dynamics simulation</i>	2	Học phần cung cấp cho học viên cơ hội được đào tạo các mô hình số học để ứng dụng giải quyết hệ thống môi trường phức tạp, thực tập mô hình tốt. Đặc biệt, học viên có thể phân tích và đánh giá các hệ thống đa thành phần có tương tác với nhau trong một hệ thống động học phức tạp. Qua học phần này học viên có thể giải thích được các khái niệm và các nguyên lý cơ bản của mô hình mô phỏng toán học và xây dựng các phương trình toán học mô phỏng các chu trình thủy văn. Ngoài ra, học viên còn có khả năng xây dựng một mô hình mô phỏng suy nghĩ mang tính hệ thống.	
20	ER618	Mô hình toán trong biến động sử dụng đất đai/ <i>Modelling land cover and land use changes</i>	2	Môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng về các phương pháp mô hình hóa sự thay đổi sử dụng đất, mối quan hệ giữa môi trường và con người trong sử dụng đất. Thuận thực việc xây dựng mô hình sử dụng đất bằng nhiều phương pháp: Tối ưu hóa, xác suất và mô hình đa tác tử, đánh giá đa tiêu chí. Môn học này cung cấp cho người học tư duy suy luận, phân tích bài toán và các phân tích các kịch bản hỗ trợ cho công tác dự đoán, dự báo về sử dụng đất.	Khoa Môi trường & TNTN

				Học phần góp phần giúp học viên cao học ngành Môi trường và biến đổi khí hậu đạt chuẩn đầu ra về khả năng sử dụng công cụ mô hình hóa và mô phỏng hỗ trợ ra quyết định	
21	ER619	Biến đổi khí hậu và khả năng chống chịu ở đồng bằng/ <i>Climate change and delta resilient</i>	2	Học phần cung cấp nội dung về khả năng chống chịu/phục hồi của các tác động do biến đổi khí hậu trong hệ thống đồng bằng. Mục tiêu chính của học phần gồm: (i) Giới thiệu hệ thống quan điểm cho sự tư duy về các tác động của biến đổi khí hậu ở các đồng bằng trên thế giới; (ii) Nâng cao kiến thức cơ bản về biến đổi khí hậu; (iii) Nâng cao hiểu biết về các tác động trực tiếp và gián tiếp của biến đổi khí hậu; (iv) Cung cấp khung xây dựng và đánh giá tổn thương ở các mức độ khác nhau, từ cấp độ nông trại đến cộng đồng và vùng; (v) thiết lập các chiến lược để xác định có hệ thống tình trạng dễ bị tổn thương; và, (vi) Cung cấp các công cụ và kỹ thuật để xác định mức độ ưu tiên và tiêu chí đánh giá để lựa chọn giải pháp phù hợp giữa chống chịu và thích ứng.	
22	ER609	Đặc trưng môi trường nông nghiệp trong hệ thống đồng bằng/ <i>Agro-environmental properties of deltaic system</i>	2	Mục tiêu của học phần này là cung cấp cho người học kiến thức, hiểu biết, áp dụng và đánh giá các thuộc tính chuyên sâu về môi trường liên quan đến các hoạt động nông nghiệp ở đồng bằng. Học phần sẽ tập trung: (1) Địa thổ nhưỡng và địa hình thái của đồng bằng (2) Mối quan hệ giữa địa hình thái với sử dụng đất (3) Đa dạng sinh học của đồng bằng (4) Trường hợp nghiên cứu “Quá khứ, hiện tại và tương lai sử dụng đất của đồng bằng sông Cửu long, Việt nam”. Phương pháp giảng dạy: kết hợp các hoạt động trong lớp (các lý thuyết, thảo luận và trình bày), thực hành trong phòng thí nghiệm và ngoài thực tế. Yêu cầu sau khi học xong học phần, người học sẽ có thông tin, kiến thức, hiểu biết tốt và có kỹ năng quản lý và phát triển nông nghiệp bền vững, đây sẽ là cơ sở vững chắc cho việc học thêm các học phần khác trong lãnh vực môi trường.	Khoa Môi trường & TNTN
23	ER620	Truyền thông biến đổi khí hậu và môi trường/ <i>Climate change and environmental communication</i>	2	Học phần trang bị cho học viên các kiến thức cơ bản về Lý thuyết và mô hình truyền thông, các bước thực thành truyền thông và phương pháp diễn thuyết trước đám đông, xây dựng kịch bản cho các chiến dịch truyền thông đại chúng, quan hệ báo chí và bài học kinh nghiệm.	Khoa Môi trường & TNTN
24	ER621	Thích ứng với các dạng thay đổi nguồn tài nguyên nước/ <i>Adaptation to water resources changes</i>	2	Học phần này nhằm cung cấp kiến thức tổng quát về cách thích ứng với thay đổi tài nguyên nước trong mối liên quan với những bất định về môi trường và kinh tế-xã hội ở khu vực sông Mekong nói chung và vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) nói riêng. Đây là một mảng kiến thức quan trọng cho lĩnh vực quản lý đồng bằng trong tương lai. Học phần tập trung vào bốn chủ đề chính: (1) nguyên lý và cách tiếp cận trong quản lý tài nguyên nước, (2) yếu tố chi phối, tác động và phản ứng của thay đổi tài nguyên nước (hệ sinh thái, nông nghiệp và an ninh lương thực, đô thị và công nghiệp hóa, vệ sinh và sức khỏe, kết cấu hạ tầng và phát triển kinh tế), (3) chiến lược, giải pháp và triển khai kế hoạch thích nghi, (4) khung chính sách và định chế và phát triển bền vững. Học phần này gồm: lý thuyết, thảo luận tại lớp và dã ngoại thực tế, ứng dụng lý thuyết để phân tích tình huống cụ thể và khuyến nghị các giải pháp khả thi đối với thay đổi tài nguyên nước.	
25	MTQ602	Chính sách và chiến	2	Trong chương trình này, học phần sẽ cung cấp kiến	Khoa Môi

		lược tài nguyên môi trường/ <i>Policy and strategy on environmental resources</i>		thức chuyên sâu về những vấn đề pháp lý của Việt Nam và quốc tế liên quan đến bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên để từ đó ngư ời học có thể áp dụng trong công tác cũng như nghiên cứu hoàn thiện hệ thống pháp luật môi trường Việt Nam. Nội dung của học phần bao gồm phân hướng dẫn lý thuyết và thực hành nghiên cứu, phân tích văn bản pháp lý về tài nguyên và môi trường, viết báo cáo phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu.	trường & TNTN
26	MT629	Quản lý tổng hợp tài nguyên ven biển/ <i>Integrated coastal resources management</i>	2	Học phần sẽ cung cấp kiến thức về: (i) tài nguyên ven biển; (ii) các rủi ro vùng ven biển do ảnh ưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng; (iii) nguyên lý quy hoạch và quản lý vùng ven biển	Khoa Môi trường & TNTN
27	MTQ604	Đánh giá tác động môi trường và rủi ro sinh thái/ <i>Environmental Impact Assessment and ecological risk</i>	2	Các nội dung giảng dạy chính của học phần bao gồm: các nguyên lý, cơ sở pháp lý của công tác đánh giá tác động môi trường; các phương pháp nhận dạng, phân tích, dự báo và đánh giá tác động môi trường; biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực đáng kể; giám sát và kiểm toán trong đánh giá tác động môi trường; đánh giá rủi ro sức khỏe và rủi ro sinh thái.	Khoa Môi trường & TNTN
28	ER896	Báo cáo đề cương (MT)/ <i>Presentation I (Planning)</i>	2	Học phần này cung cấp các kiến thức và thực hành về phương pháp trình bày một đề cương nghiên cứu khoa học.	Khoa Môi trường & TNTN
29	ER897	Báo cáo giữa kỳ (MT)/ <i>Presentation II (Intermediate)</i>	2	Học phần này cung cấp các kiến thức và thực hành về phương pháp trình xử lý và tổng hợp số liệu cũng như bày một báo cáo khoa học (giữa kỳ).	Khoa Môi trường & TNTN
30	ER898	Báo cáo hội nghị khoa học (MT)/ <i>Presentation III (Conference)</i>	3	Học phần này cung cấp các kiến thức, kỹ năng và thực hành về phương pháp chuẩn bị và báo cáo trong Hội nghị và Hội thảo khoa học.	Khoa Môi trường & TNTN
31	ER899	Sinh hoạt học thuật (MT)/ <i>Laboratory seminar</i>	3	Học phần này cung cấp các kiến thức, kỹ năng và thực hành về phương pháp tổng hợp và trình bày các nghiên cứu đã được thực hiện. Chỉ ra được bối cảnh nghiên cứu trên thế giới và học viên cần tìm ra điểm mới cần phải nghiên cứu ở các vùng Đồng bằng.	Khoa Môi trường & TNTN
32	ER900	Luận văn tốt nghiệp (MT)/ <i>Thesis</i>	15	Học phần này giúp các học viên tổng hợp lại các kiến thức chuyên ngành nhằm giải quyết các vấn đề về BDKH & QLDB ở Việt Nam cũng như trên thế giới.	Khoa Môi trường & TNTN

Đề cương chi tiết các học phần được đính kèm ở phần Phụ lục.

5. Phương pháp giảng dạy và học tập

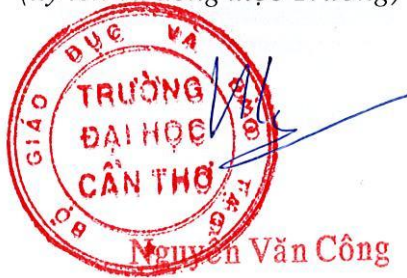
- Phương pháp giảng dạy lấy học viên làm trung tâm
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp nghiên cứu tình huống
- Phương pháp học tập thông qua trải nghiệm

6. Phương pháp đánh giá

- Bài tập
- Trình bày báo cáo
- Thực hiện dự án
- Thi cuối kỳ

- Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG KHOA/VIỆN TRƯỞNG
(ký tên và đóng mộc Trường)



Cần Thơ, ngày ... tháng ... năm 20...

PHỤ TRÁCH NGÀNH

Laun
Huỳnh Vương Thu Minh.

PHỤ LỤC
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN (*)